TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Ông Hoàng Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025; về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1974; căn cước công dân số: 002074005453, cấp ngày: 10/5/2021; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; địa chỉ cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang; "có mặt".

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1980; căn cước công dân số: 002180004264, cấp ngày: 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1; nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang; đơn vị công tác: Trung tâm môi trường xã Q, tỉnh Tuyên Quang; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn K trình bày: Anh và chị Hoàng Thị N, về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 tại xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang) và

có với nhau hai người con chung là cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/10/2000 nhưng do vợ chồng anh không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 25 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến năm 2023 chị N dọn ra tập thể cơ quan nơi chị đang công tác để ở và vợ chồng anh đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy anh làm đơn này đề nghị Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị N theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hoàng Thị N trình bày: Chị N xác nhận về thời gian, địa điểm, quan hệ hôn nhân như lời trình bày của anh Hoàng Văn K là đúng. Do vợ chồng chị không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 25 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên đến năm 2023 chị dọn ra tập thể cơ quan nơi chị đang công tác để ở và vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; nay anh K làm đơn ra tòa xin ly hôn với chị quan điểm của chị là hoàn toàn nhất trí ly hôn để hai bên giải phóng cho nhau.

Về con chung: Anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị N đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/10/2000. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn anh K, chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn K không yêu cầu Toà án giải quyết; tuy nhiên chị Hoàng Thị N không nhất trí, chị trình bày vợ chồng chị có 01 ngôi nhà sàn 05 gian làm bằng gỗ Trai, làm trên đất của bố mẹ chồng, vợ chồng chị làm năm 2018 giá trị ước tính khoảng 800.000.000 đồng; 01 nhà bếp xây tường gạch, đổ mái bằng, làm năm 2021 diện tích khoảng 100m^2 giá trị ước tính khoảng 200.000.000 đồng; 01 đồi cây trồng chung nhau với ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã Q, tỉnh Tuyên Quang gồm có: Cây Quế, cây K1 và cây Bồ đề có diện tích khoảng 6 Ha, trồng năm 2020, trồng trên đất của bố mẹ chồng giá trị ước tính khoảng 300.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị yêu cầu Tòa án xem xét phân chia tài sản chung vợ chồng là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm triệu đồng).

Khi nhận được yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án ly hôn, ngày 11 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang đã có công văn số 01/CV-TA; về việc yêu cầu bổ sung đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ, đã tống đạt trực tiếp cho chị Hoàng Thị N. Ngày 17/12/2025 chị N nộp đơn yêu cầu về việc phân chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án ly hôn nhưng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu về việc phân chia tài sản chung vợ chồng của chị là có căn cứ; tuy nhiên Tòa án vẫn ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho chị N theo quy định của pháp luật và đã tống đạt trực tiếp cho cháu Hoàng Thị T là con gái của chị N, cháu T đã thông báo cho chị biết nhưng chị N không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/3/2026 và ngày 18/3/2026 nhưng cả hai lần chị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn chị Hoàng Thị N; về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/10/2000. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không nộp tiền tạm ứng án phí đối với việc bị đơn yêu cầu chia tài sản, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án; xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị N; Việc nuôi con: Anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị N có hai con chung là cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/10/2000, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường; vì vậy khi ly hôn không đề cập giải quyết; Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án ly hôn nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên không đề cập giải quyết; về án phí, anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, bị đơn là chị Hoàng Thị N không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do anh Hoàng Văn K có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn chị Hoàng Thị N có nơi cư trú tại thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua cháu Hoàng Thị T là con đẻ của chị Hoàng Thị N, chị N nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị N.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị N bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang nơi anh chị cư trú.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

[5] Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[6] Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Văn K cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[7] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 06/10/2000, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và phát triển bình thường, anh K, chị N đều không đề cập giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn K cho rằng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Hoàng Thị N có yêu cầu chia tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, không có các tài liệu chứng cứ kèm theo đối với yêu cầu chia tài sản chung, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng chị N vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản. Do vậy, HĐXX không xem xét yêu cầu phân chia tài sản của chị N trong vụ án này, nếu sau này chị N có yêu cầu chia tài sản chung thì chị N có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[9] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57, của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử**:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn K và chị Hoàng Thị N.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0001046, ngày 28/10/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Bằng Lang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh